

Thứ sáu, ngày 19 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Xu hướng tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/06/2020		•	
Tuần 22/6-26/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường kết thúc phiên cơ cấu ETF cuối tuần với sắc xanh lan tỏa thị trường. VN-Index vẫn nằm trên ngưỡng tham chiếu trong cả phiên sáng và bắt đầu tăng điểm vào phiên chiều. Dòng tiền đầu tư trở lại thị trường khi có 16/19 nhóm ngành tăng điểm. Khối ngoại bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản tăng mạnh với độ rộng thị trường tích cực đang báo hiệu xu hướng giao dịch hưng phấn trên thị trường. VN-Index nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng 880-900 điểm trong các phiên giao dịch tuần tới.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2008, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 805 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/06/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Dầu khí_2.3%**

Phân tích kỹ thuật: VIC_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+13.29** điểm, đóng cửa **868.56** điểm. HNX-Index **+2.62** điểm, đóng cửa **115.36** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+6.09)**; **BID (+1.09)**; **CTG (+0.48)**; **HPG (+0.43)**; **VCB (+0.42)**.
- Kéo chỉ số giảm: **PLX (-0.26)**; **VJC (-0.16)**; **VNM (-0.10)**; **HVN (-0.08)**; **PDR (-0.07)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,579** tỷ đồng, tăng **+47.5%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là **10.79** điểm, tương đương với phiên liền trước. Thị trường có **298** mã tăng, **32** mã tham chiếu và **103** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-48.36** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-86.6 tỷ)**, **MSN (-53.4 tỷ)** và **PDR (-48.0 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.42** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **868.56**Giá trị: 4579.52 tỷ **13.29 (1.55%)**

Khối ngoại (ròng): -47.61 tỷ

HNX-INDEX **115.36**Giá trị: 623.32 tỷ **2.62 (2.32%)**

Khối ngoại (ròng): -0.43 tỷ

UPCOM-INDEX **56.34**Giá trị: 0.31 tỷ **0.57 (1.02%)**

Khối ngoại (ròng): -3.03 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.2	3.37%
Giá vàng	1,729	0.37%
Tỷ giá USD/VND	23,219	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	26,013	-0.30%
Tỷ giá JPY/VND	21,707	0.08%
LS liên NH 1 tháng	0.6%	-14.99%
LS TPCP 5 năm	2.1%	0.89%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	96.9	VNM	86.6
HPG	41.3	MSN	53.3
NVL	36.9	PDR	48.0
BVH	24.0	POW	34.6
FUEVFNDC	20.4	SBT	25.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Câu chuyện cuối tuần	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
19/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_2.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	16/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	2.3%	0.5%	5.0%	47.2%	-20.4%	-20.4%	25.2%
Vật liệu Xây dựng	2.3%	4.5%	3.7%	50.4%	1.9%	1.9%	20.7%
Xây dựng	2.3%	-0.6%	2.7%	42.1%	-2.5%	-2.5%	19.2%
Hàng tiêu dùng	2.3%	2.6%	2.5%	52.0%	-2.0%	-2.0%	19.9%
Lãi suất giảm	2.2%	4.1%	7.8%	53.7%	1.4%	1.4%	19.6%
BDS & Khu công nghiệp	2.1%	3.4%	7.1%	37.0%	-5.0%	-5.0%	17.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.1%	0.0%	7.1%	45.9%	-1.1%	-1.1%	22.5%
Stay-at-home	2.1%	2.7%	4.1%	44.2%	4.5%	4.5%	17.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	2.0%	2.6%	2.2%	9.8%	9.8%	9.8%	25.9%
FTSE Việt Nam	1.9%	2.1%	0.6%	29.6%	-7.4%	-7.4%	17.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.9%	0.1%	1.6%	35.4%	-9.9%	-9.9%	19.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.8%	1.3%	-0.3%	30.1%	-8.6%	-8.6%	16.2%
VN FinSelect	1.8%	-0.5%	2.5%	36.9%	-4.3%	-4.3%	20.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.7%	-0.7%	2.6%	38.0%	-4.5%	-4.5%	21.5%
VN Diamond	1.7%	-0.4%	-0.7%	32.9%	-12.5%	-12.5%	19.7%
Ngân Hàng	1.7%	-0.9%	2.5%	35.4%	-2.6%	-2.6%	23.3%
Corona Avengers	1.5%	0.2%	3.6%	52.7%	0.6%	0.6%	22.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.4%	0.9%	-0.2%	31.9%	-9.0%	-9.0%	18.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.3%	-0.3%	-1.5%	39.0%	-11.2%	-11.2%	21.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.2%	1.0%	1.5%	36.1%	5.9%	5.9%	15.8%
Chiến tranh thương mại	1.0%	1.9%	4.0%	47.8%	-6.4%	-6.4%	18.6%
Ngành Dược	0.7%	-0.4%	-1.3%	16.3%	-7.0%	-7.0%	18.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.6%	-1.9%	-0.4%	30.6%	-13.8%	-13.8%	16.8%
Nước & Năng lượng	0.4%	1.6%	1.2%	30.0%	-7.8%	-7.8%	16.8%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	4.1%	3.0%	5.4%	57.1%	-4.8%	-4.8%	21.2%
S32	2.3%	0.2%	0.5%	46.3%	-14.2%	-14.2%	22.5%
L22	1.7%	0.7%	1.7%	42.6%	-6.5%	-6.5%	19.9%
S11	1.3%	0.5%	3.3%	30.3%	-0.4%	-0.4%	18.9%
L11	1.1%	0.7%	3.0%	33.2%	-7.7%	-7.7%	17.6%
M31	1.0%	-0.7%	1.4%	35.7%	-7.4%	-7.4%	21.2%
S21	0.9%	-0.2%	-0.4%	36.7%	-7.5%	-7.5%	20.1%
M12	0.9%	-0.3%	-0.2%	31.3%	-6.3%	-6.3%	20.0%
M22	0.9%	0.4%	1.0%	39.2%	-2.2%	-2.2%	18.9%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	2.6%	3.2%	5.4%	43.0%	3.0%	3.0%	17.6%
HIGH3	1.9%	1.4%	0.5%	40.2%	0.0%	0.0%	19.3%
LOW1	0.9%	-0.4%	0.7%	29.0%	-4.8%	-4.8%	17.2%
INDEX							
VNINDEX	1.6%	0.6%	0.5%	31.1%	-9.6%	-9.6%	17.0%
VN30INDEX	1.4%	0.1%	0.3%	32.3%	-8.1%	-8.1%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	16	8	12	12	18	6
Mục tiêu	9	3	6	3	6	7	2
Rủi ro	3	2	1	2	1	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

VIC_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: VIC đang ở trong quá trình vận động đi ngang trong khu vực 90-98 sau khi đã có sự hồi phục từ cuối tháng 3. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây vẫn duy trì giá trị tốt và ổn định. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu tăng kịch trần. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đang chưa có được sự đồng nhất về trạng thái. Chỉ báo động lượng RSI vừa vượt lên trên giá trị 50 nên cổ phiếu có thể giữ được sự tích cực trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VIC nằm tại mốc 94. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại ngưỡng 100, cắt lỗ nếu vùng giá 88-89 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 19/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.02	0.46%	7.60%	22.10%	-29.29%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	41.64	0.31%	7.50%	15.60%	-33.03%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	126.45	0.54%	12.50%	19.90%	-27.13%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1725.56	0.15%	-0.30%	-1.30%	21.62%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.39	0.06%	-0.60%	-0.90%	13.65%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	877.25	0.14%	-0.30%	3.20%	-8.38%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	488.25	-0.10%	-3.80%	-2.60%	-12.38%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.94	0.10%	2.50%	21.20%	23.83%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	147.11	0.27%	-0.50%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.04	-1.79%	-0.50%	10.50%	-13.88%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	96.75	-1.43%	-1.00%	-11.20%	-12.64%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5805.00	0.61%	0.70%	9.20%	-2.81%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	513.38	0.98%	1.10%	2.90%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1606.50	-0.06%	0.30%	7.40%	-9.80%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	109.01	0.76%	1.30%	9.30%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	54.15	0.46%	-0.40%	-4.70%	-30.13%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 80 US cent hay gần 2% lên 41.51 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 88 US cent hay 2.3% lên 38.84 USD/thùng.
- Hội đồng OPEC+ đã ép các quốc gia như Iraq và Kazakhstan tuân thủ tốt hơn với việc cắt giảm sản lượng dầu và đề nghị khả năng gia hạn hay giảm bớt việc giảm sản lượng kỷ lục từ tháng 8. Hội đồng được gọi là Ủy ban giám sát chung (JMMC) tư vấn cho OPEC+ và sẽ họp lại vào ngày 15/7 khi họ đề xuất mức cắt giảm tiếp theo.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.1% xuống 1,724.99 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York giảm 0.3% xuống 1,731.1 USD/ounce. Giá vàng giảm trong phiên vừa qua khi đơn xin trợ cấp thất nghiệp sụt giảm tại Mỹ và các báo cáo về việc Trung Quốc đã kiểm soát được đợt bùng phát virus corona mới nhất.
- Tuyên bố ban đầu về trợ cấp thất nghiệp ở Mỹ đã giảm tuần thứ 11 liên tiếp, rời khỏi mức kỷ lục 6,867 triệu người hồi cuối tháng 3. Tuy nhiên tốc độ phục hồi của thị trường lao động của Mỹ dường như đã trì trệ.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên giảm 1% xuống 765 CNY (108.1 USD)/tấn. Công ty khai thác quặng sắt Vale hiện nay có thể mở lại các mỏ trong khu phức hợp Itabira, nơi 188 công nhân đã dương tính với virus corona mới, vì chính phủ tin rằng các biện pháp của công ty này để giảm thiểu mối đe dọa virus là đủ để khởi động lại công việc.
- Trung Quốc sẽ duy trì hệ thống thanh khoản tài chính dồi dào trong nửa cuối năm nay khi nền kinh tế phục hồi, nhưng thống đốc ngân hàng trung ương nhấn mạnh sự cần thiết phải xem xét rút lại hỗ trợ vào một thời điểm nào đó
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.6%, thép cuộn cán nóng tăng 1.6%.

Giá cao su

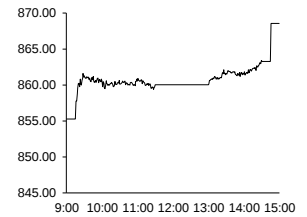
- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn TOCOM giảm 0.4 JPY xuống 156.8 JPY/kg. Đồng thời, giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 5 CNY lên 10,315 CNY/tấn. Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) giảm phiên thứ 2 liên tiếp trong bối cảnh nghi ngờ ngày càng tăng về sự phục hồi nhanh chóng từ đại dịch Covid-19 và do các doanh nghiệp cho biết họ đang sa thải nhân viên và buộc cắt giảm lương.
- Tại Nhật Bản, phần lớn các công ty cho biết họ đã thực hiện các biện pháp gồm sa thải và cắt giảm lương để đối phó với tác động của bệnh dịch đối với nền kinh tế lớn thứ ba thế giới này, theo một thăm dò của Reuters.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn ICE giảm 0.22 US cent hay 1.8% xuống 11.89 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn London giảm 4% xuống 371.2 USD/tấn. Các đại lý cho biết tiêu thụ yếu kết hợp với sản lượng tăng tại Brazil và Ấn Độ có thể dẫn tới dư thừa toàn cầu trong niên vụ 2020/21. Thị trường cũng đang trải qua giai đoạn củng cố, với giá giữ dưới mức cao nhất 3 tháng tại 12.27 US cent thiết lập hồi đầu tháng
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 giảm 1.4 US cent hay 1.4% xuống 96.75 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 giảm 18 USD hay 1.5% xuống 1,164 USD/tấn. Các đại lý cho biết thị trường vẫn ở thể phòng thủ với nguồn cung dồi dào do nhà sản xuất hàng đầu Brazil thu hoạch một vụ lớn.
- Nhà xuất khẩu hàng đầu Ấn Độ cho biết giá gạo đồ 5% tằm giảm xuống 366 – 372 USD/tấn, thấp nhất kể từ ngày 26/3 so với 368 – 373 USD tuần trước. Nhu cầu gạo Việt Nam cũng yếu, giá gạo 5% tằm giảm xuống 450 USD/tấn, thấp nhất trong gần 2 tháng. Giá gạo Thái Lan 5% tằm giảm xuống 505 – 525 USD/tấn trong ngày 18/6 so với 505 – 533 USD một tuần trước do đồng Baht mạnh lên.

Hình 1

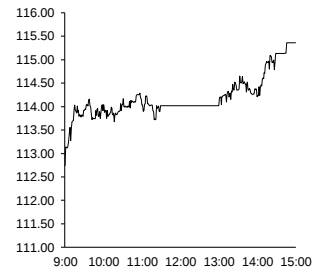
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

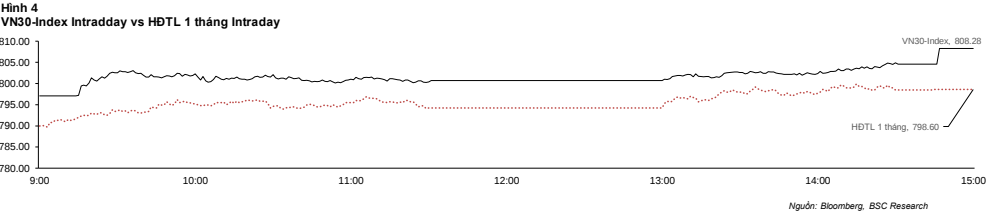
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	-0.76%
Truyền thông	-0.72%
Du lịch và Giải trí	-0.71%
Thực phẩm và đồ uống	0.32%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.47%
Y tế	0.67%
Viễn thông	0.76%
Ô tô và phụ tùng	0.94%
Bán lẻ	1.05%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.09%
Công nghệ Thông tin	1.20%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.27%
Ngân hàng	1.54%
Xây dựng và Vật liệu	1.97%
Tài nguyên Cơ bản	2.01%
Hóa chất	2.07%
Dịch vụ tài chính	2.22%
Bảo hiểm	2.67%
Bất động sản	3.17%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	798.60	1.42%	-9.68	312.1%	130.018	7/16/2020	27
VN30F2008	791.00	#DIV/0!	-17.28	#DIV/0!	735	8/20/2020	62
VN30F2009	787.00	1.27%	-21.28	-0.8%	118	9/17/2020	90
VN30F2012	785.60	1.30%	-22.68	23.9%	109	12/17/2020	181

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 11.20 điểm lên mức 808.28 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, STB, HPG, VPB, và TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng mạnh đầu phiên, trước khi tích lũy trên 800 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tăng tích cực lên gần 805 điểm, sau đó bật tăng trong phiên ATC. Thanh khoản vừa phải, VN30 có thể vận động tích lũy quanh vùng giá 795-810 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Ngoại trừ VN30F2008, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2007 và VN30F2008 đang giảm, trong khi VN30F2009 và VN30F2012 đang tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 805 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CSTB2003	KIS	9/16/2020	89	1:1	354.340	-39.7%	3.0 triệu	40.83%	1,360	1,940	14.79%	1,449	1.34
CSTB2004	SSI	11/30/2020	164	1:1	100.100	-35.9%	5.0 triệu	40.83%	1,400	2,230	12.63%	1,881	1.19
CHPG2007	KIS	7/16/2020	27	1:1	217.930	1344.2%	2.5 triệu	36.48%	1,660	4,610	11.35%	4,469	1.03
CVPB2005	MBS	8/18/2020	60	2:1	92.280	-24.0%	2.0 triệu	43.87%	1,510	2,100	10.53%	1,905	1.10
CSTB2002	KIS	12/16/2020	180	1:1	200.620	28.0%	3.0 triệu	40.83%	1,700	2,300	10.05%	1,489	1.55
CDPM2002	KIS	12/16/2020	180	1:1	87.780	59.8%	2.0 triệu	40.49%	1,700	2,400	8.11%	1,393	1.72
CHPG2002	KIS	12/16/2020	180	2:1	311.080	65.2%	3.0 triệu	36.48%	1,700	1,700	6.92%	1,007	1.69
CHPG2008	SSI	11/30/2020	164	1:1	49.250	-34.8%	5.0 triệu	36.48%	4,100	3,650	5.80%	2,635	1.39
CFPT2004	SSI	8/10/2020	52	1:1	26.010	3.4%	2.0 triệu	32.38%	5,100	7,130	5.47%	1,259	5.66
CMWG2007	SSI	11/30/2020	164	1:1	28.700	149.6%	2.0 triệu	39.64%	12,900	11,270	4.93%	8,638	1.30
CHPG2005	VND	10/1/2020	104	1:1	47.270	5.9%	2.0 triệu	36.48%	2,100	7,640	3.24%	8,649	0.88
CFPT2003	SSI	11/9/2020	143	1:1	18.450	120.2%	2.0 triệu	32.38%	7,300	9,740	2.42%	2,926	3.33
CVNM2003	MBS	9/4/2020	77	10:1	231.540	120.3%	3.0 triệu	31.35%	1,450	2,530	0.40%	2,240	1.13
CVHM2002	SSI	11/30/2020	164	1:1	22.900	148.9%	1.5 triệu	36.61%	11,500	11,010	-0.27%	7,992	1.38
CTCB2004	MBS	8/18/2020	60	2:1	140.320	52.2%	2.0 triệu	36.31%	1,050	1,960	-1.01%	1,875	1.05
CVNM2004	SSI	11/30/2020	164	1:1	29.300	248.0%	2.0 triệu	31.35%	17,500	16,030	-1.66%	9,393	1.71
CVHM2003	HSC	10/29/2020	132	10:1	133.720	10346.9%	5.0 triệu	36.61%	1,000	1,400	-2.10%	1,093	1.28
CVRE2003	KIS	12/16/2020	180	2:1	246.730	84.0%	3.0 triệu	43.22%	3,000	1,110	-2.63%	441	2.52
CNVL2001	KIS	12/16/2020	180	4:1	100.710	158.8%	2.0 triệu	16.56%	2,300	1,680	-6.67%	258	6.52
CVRE2005	SSI	11/30/2020	164	1:1	54.990	645.1%	1.5 triệu	43.22%	4,000	3,680	-6.84%	3,379	1.09
Tổng:					2,139,680		50.50 triệu	36.63%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 19/06/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

• Về giá, CHPG2001 và CSTB2003 tăng mạnh lần lượt là 20.83% và 14.79%. Trái lại, CVRE2005 và CNVL2001 giảm mạnh lần lượt là -6.84% và -6.67%. Giá trị giao dịch tăng 33.33%. CHPG2007 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.99% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, MBB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	97.30	6.92	3.96
HPG	27.35	2.05	1.19
STB	11.90	4.39	1.18
VPB	22.80	2.24	1.12
TCB	20.50	1.49	0.90

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	110.0	-0.90	-0.34
VNM	115.0	-0.17	-0.15
PLX	46.0	-1.50	-0.10
SBT	14.6	-1.69	-0.09
MSN	57.0	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2003	12,471	11,111	11,900
CSTB2004	12,400	11,000	11,900
CHPG2007	24,659	22,999	27,350
CVPB2005	22,520	19,500	22,800
CSTB2002	13,588	11,888	11,900
CDPM2002	16,952	15,252	14,350
CHPG2002	33,399	29,999	27,350
CHPG2008	32,100	28,000	27,350
CFPT2004	55,100	50,000	47,000
CMWG2007	99,900	87,000	84,500
CHPG2005	21,100	19,000	27,350
CFPT2003	57,300	50,000	47,000
CVNM2003	108,500	94,000	115,000
CVHM2002	88,500	77,000	76,500
CTCB2004	19,100	17,000	20,500
CVNM2004	135,500	118,000	115,000
CVHM2003	80,000	70,000	76,500
CVRE2003	43,999	37,999	27,800
CNVL2001	75,088	65,888	59,300
CVRE2005	32,000	28,000	27,800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cậu sinh viên thật thà

Nguồn: Sư tầm

Một cậu sinh viên năm nhất đại học đang bị chỉ trích nặng nề bởi giáo sư của mình.

“Bài của anh rất khó đọc“, giáo sư nói, “đáng lẽ ra anh phải viết làm sao cho người dốt nhất cũng có thể hiểu được mới phải.”

Cậu sinh viên từ tốn đáp: “Vâng thưa thầy, đoạn nào mà thầy không hiểu ạ?”

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	84.5	0.8%	1.2	1,664	3.2	8,808	9.6	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.1	1.5%	1.3	579	1.0	5,248	11.3	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.5	3.1%	1.3	1,598	2.8	1,307	37.9	1.9	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	31.0	0.6%	0.4	301	0.1	2,092	14.8	1.0	54.4%	7.0%
VIC	Bất động sản	97.3	6.9%	0.8	14,309	7.7	2,095	46.4	4.1	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.8	0.9%	1.1	2,747	4.4	1,226	22.7	2.3	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	59.3	1.7%	0.8	2,500	7.1	3,584	16.5	2.5	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.4	1.6%	0.8	423	0.3	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.7	5.4%	1.4	286	4.1	2,289	5.5	0.9	40.5%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.3	2.0%	1.3	400	3.3	1,415	10.8	0.9	50.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.8	4.3%	1.0	163	0.8	4,240	5.4	0.9	28.3%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.4	4.6%	1.8	257	2.0	1,480	13.1	1.3	52.7%	12.0%
FPT	Công nghệ	47.0	0.9%	0.8	1,602	1.5	4,804	9.8	2.2	56.3%	23.4%
FOX	Công nghệ	57.0	4.6%	0.4	616	0.3	4,812	11.8	3.0	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.6	0.6%	1.5	6,041	1.0	5,820	12.5	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.0	-1.5%	1.5	2,382	3.6	869	52.9	2.9	13.4%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.7	3.3%	1.6	264	2.0	1,238	10.3	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.4	4.2%	0.8	998	2.1	898	8.2	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.1	0.1%	0.5	524	0.1	5,046	18.3	3.4	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.4	1.8%	0.4	244	1.2	1,006	14.3	0.7	11.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.8	3.6%	0.4	203	1.1	415	21.2	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	85.4	0.5%	1.2	13,771	2.7	4,848	17.6	3.7	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.5	2.3%	1.4	7,248	1.3	2,140	19.4	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.4	2.0%	1.2	3,780	2.9	2,510	9.3	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.8	2.2%	1.2	2,417	2.4	3,750	6.1	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.5	1.2%	1.1	1,835	2.4	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.4	2.5%	1.0	1,764	2.4	3,780	6.5	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.0	4.9%	0.9	192	1.2	5,303	10.2	1.7	80.8%	17.0%
NTP	Nhựa	39.3	3.7%	0.5	168	0.1	4,208	9.3	1.5	18.8%	17.0%
MSR	Tài nguyên	16.2	1.9%	0.5	697	0.0	356	45.5	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.4	2.1%	1.1	3,283	12.4	2,764	9.9	1.5	35.8%	17.4%
HSG	Thép	11.9	4.8%	1.5	230	5.4	1,493	8.0	0.9	13.3%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	115.0	-0.2%	0.8	8,707	6.3	5,453	21.1	6.7	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	166.3	0.0%	0.8	4,637	0.2	6,719	24.8	6.2	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.0	0.0%	1.0	2,897	6.0	3,961	14.4	1.6	39.1%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.6	-1.7%	0.8	371	2.5	171	85.2	1.2	6.0%	1.5%
ACV	Vận tải	62.9	1.1%	0.8	5,954	0.5	3,450	18.2	3.7	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	110.0	-0.9%	1.1	2,505	2.0	7,110	15.5	3.9	18.3%	26.3%
HVN	Vận tải	27.4	-0.7%	1.7	1,687	0.8	1,654	16.5	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.7	1.3%	0.9	254	0.2	1,583	12.4	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.8	0.9%	1.1	132	0.3	2,117	5.1	0.7	25.5%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.4	1.6%	0.9	428	0.3	9,201	6.9	3.0	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.5	3.0%	0.8	400	0.8	1,453	14.1	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.7	0.7%	1.0	227	0.1	1,938	7.1	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	63.4	1.3%	1.1	210	0.5	8,032	7.9	0.6	46.2%	7.3%
VCG	Xây dựng	27.4	4.6%	0.3	526	0.3	1,498	18.3	1.8	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.2	1.3%	0.3	199	0.9	1,775	10.8	0.9	39.8%	8.5%
POW	Điện	10.4	0.0%	0.6	1,059	2.5	1,028	10.1	0.9	11.8%	9.4%
NT2	Điện	21.3	-0.5%	0.5	266	0.4	2,543	8.4	1.4	18.0%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	97.30	6.92	6.09	1.84MLN
BID	41.45	2.35	1.09	720420.00
CTG	23.35	1.97	0.48	2.87MLN
HPG	27.35	2.05	0.43	10.53MLN
VCB	85.40	0.47	0.42	723970.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLX	0.00	-0.26	1.80MLN	1.11MLN
VJC	0.00	-0.16	418810.00	607060.00
VNM	0.00	-0.10	1.25MLN	373600.00
HVN	0.00	-0.08	637820.00	192700.00
PDR	0.00	-0.07	901950.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VID	6.88	7.00	0.00	63680.00
DBC	49.75	6.99	0.10	2.84MLN
MHC	4.60	6.98	0.00	351430.00
TNC	20.75	6.96	0.01	11880.00
DGW	34.60	6.96	0.03	915150.00

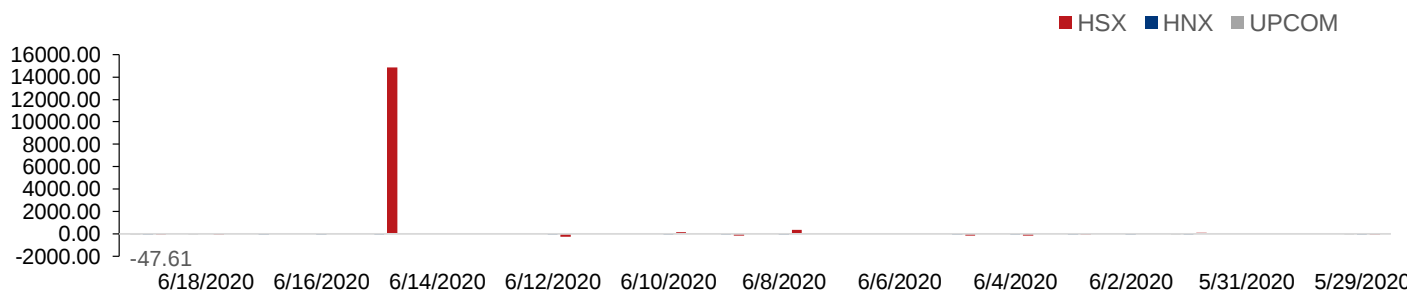
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HRC	39.35	-6.97	-0.03	2500.00
TNI	5.35	-6.96	-0.01	6.14MLN
RIC	4.55	-6.95	0.00	2850.00
TCO	9.40	-6.93	0.00	10.00
VAF	8.22	-6.91	-0.01	10.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



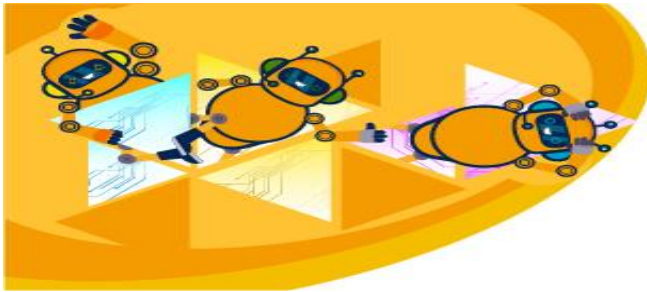
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.0	3,961	14.4	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	39.3	4,717	8.3	1.4	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.9	1,493	8.0	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	45.0	5,479	8.2	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	20.7	1,140	18.2	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.4	2,764	9.9	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.5	2,987	6.9	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.1	5,248	11.3	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.7	5,718	23.6	8.3	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.7	2,289	5.5	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.2	1,496	10.2	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	21.3	7,637	2.8	1.0	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.6	5,311	4.3	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	34.6	4,465	7.7	1.5	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	85.4	4,848	17.6	3.7	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.4	3,780	6.5	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	38.3	6,553	5.8	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	52.3	3,887	13.5	2.6	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	47.0	4,804	9.8	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.7	1,583	12.4	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (~19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giá định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: phập phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn